

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

Số: 795/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Kiên cố hoá kênh Bắc
Như Quỳnh đoạn từ Quốc lộ 17 đến đường tỉnh lộ 282, huyện Gia Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;
Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024
về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý
hoạt động xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một
số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây
dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày
31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây
dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 12/2021/TT-BXD ngày
31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
về Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối
lượng công trình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 11/2021/QĐ-UBND ngày
19/5/2021 ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;
số 11/2024/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc ban hành Quy định phân công,
phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số
06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy
định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh
Bắc Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Kiên cố hoá kênh Bắc Như
Quỳnh đoạn từ Quốc lộ 17 đến đường tỉnh lộ 282, huyện Gia Bình;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số
638/SNNMT-QLĐTXD ngày 24/04/2025; Sở Tài chính tại văn bản số 839/STC-
QLĐT ngày 08/5/2025; Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống tại Tờ trình
số 273/TTr-NĐ ngày 09/05/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án Kiên cố hoá kênh Bắc Như Quỳnh đoạn từ Quốc lộ 17 đến đường tỉnh lộ 282, huyện Gia Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Kiên cố hoá kênh Bắc Như Quỳnh đoạn từ Quốc lộ 17 đến đường tỉnh lộ 282, huyện Gia Bình.
2. Địa điểm xây dựng: huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
3. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bắc Ninh.
4. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống
5. Tư vấn lập báo cáo KTKT: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.
6. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình:
 - Nhóm dự án: Nhóm C.
 - Loại công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và PTNT; công trình thuỷ lợi.
 - Cấp công trình: Cấp IV.
7. Mục tiêu dự án: Bảo đảm tưới cho 345ha đất canh tác của huyện Gia Bình và tạo nguồn hỗ trợ tưới cho 236ha đất canh tác của xã Cao Đức góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương, nâng cao chất lượng cải thiện cảnh quan môi trường dự án.
8. Quy mô đầu tư xây dựng:
 - Cứng hoá kênh Bắc Như Quỳnh chiều dài 1.300m và nạo vét tôn cao bờ kênh chiều dài 2.395m.
 - Xây dựng 02 cầu qua kênh và cải tạo, nâng cấp các công trình trên kênh.
9. Chỉ tiêu thiết kế chính:

Lý trình	Chiều dài (m)	Q_{TK} (m^3/s)	n	m	i	B_{TK} (m)	h_{TK} (m)	MN ĐK	MN CK
K0÷K1+300	1.300	1,56	0,017	1,5	$0,2.10^{-4}$	1,80	1,57	+3.0	+2.97
K1+300÷K3+695	2.395	0,97	0,025	1,5	$0,2.10^{-4}$	1,50	1,57	+2.93	+2.80

10. Nội dung xây dựng và giải pháp thiết kế chủ yếu:

a. Phân kênh:

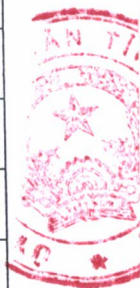
- Đoạn từ K0÷K1+300: Kênh hình thang, mái kênh BTCT M250 trên vữa lót M50, dày 5cm và đắp đất hoàn thiện mái với độ chặt $K \geq 0,95$. Đáy kênh bê tông M200, dày 12cm trên nilong tái sinh và lớp cát đen đầm chặt $K \geq 0,90$. Cừ 4m mái kênh bố trí khe lún bằng 02 lớp giấy dầu.

- Đoạn từ K1+300÷K3+695(Kc): Nạo vét và xây tôn cao bờ kênh bằng tường gạch XM100#, xây VXM75#. Chiều cao tường từ (1,0÷1,30)m, rộng từ (0,22÷0,56)m trên bê tông lót M150, dày 10cm và móng cọc tre đường kính

□(6÷8)cm, dài 1,50m, mật độ 16 cọc/1m².

b. Công trình trên kênh: Xây dựng mới 02 cầu và cải tạo, nâng cấp các công trình trên kênh theo thông số như sau:

TT	Lý trình	Phía bờ	Giải pháp	Khẩu độ (m)	Hiện trạng	Cao độ đáy TK
1	K0+050	Trái	Làm mới	(0,5x0,7)	Không có	+1.71
1	K0+160	Phải	Tu sửa	(1,0x1,0)	D100	+2.07
1	K0+271	Trái	Nối dài	(0,6x0,6)	(0,5x0,7)	+1.71
2	K0+274	Dọc kênh	Làm mới	L=7m	Cầu (2x1,9)m	
3	K0+285	Phải	Tu sửa	(1,0x1,0)	D100	+1.42
4	K0+290	Trái	Nối dài	(0,8x0,8)	(0,8x0,8)	+1.42
5	K0+525	Phải	Tu sửa	(1,0x1,0)	D100	+1.88
6	K0+875	Dọc kênh	Làm mới	L=7m	Không có	
7	K0+950	Phải	Tu sửa	(1,0x1,0)	D100	+1.77
8	K1+035	Phải	Tu sửa	(1,0x1,0)	D100	+1.85
9	K1+290	Phải	Tu sửa	(1,0x1,0)	D100	+1.65
10	K1+290	Trái	Nối dài	(1,2x1,2)	(1,2x1,2)	+1.74
14	K1+305	Phải	Tu sửa	(1,0x1,0)	(1,0x1,0)	+1.65
15	K1+456	Trái	Tu sửa	(0,4x0,5)	(0,3x0,3)	+1.37
16	K1+497	Trái	Tu sửa	(0,5x0,7)	(0,5x0,7)	+1.87
17	K1+541	Phải	Tu sửa	(0,4x0,6)	(0,4x0,6)	+1.45
18	K1+552	Trái	Tu sửa	(0,4x0,5)	(0,4x0,5)	+2.05
19	K1+610	Trái	Tu sửa	(0,6x1,2)	(0,6x1,2)	+1.60
20	K1+664	Trái	Tu sửa	(0,4x0,6)	(0,4x0,6)	+1.80
21	K1+676	Phải	Tu sửa	(1,0x0,9)	(1,0x0,9)	+1.26
22	K1+680	Phải	Tu sửa	(0,9x1,1)	(0,9x1,1)	+0.71
23	K1+833	Phải	Tu sửa	(0,4x0,6)	(0,4x0,6)	+1.59
24	K1+850	Trái	Tu sửa	(0,4x0,7)	(0,4x0,7)	+1.45
25	K1+993	Phải	Tu sửa	(0,6x0,6)	(0,6x0,6)	+1.61



26	K2+129	Phải	Tu sửa	(0,8x1,2)	(0,8x1,2)	+1.27
27	K2+265	Trái	Tu sửa	(0,6x0,9)	(0,6x0,9)	+1.16
28	K2+270	Phải	Tu sửa	(0,5x0,7)	(0,5x0,7)	+1.45
29	K2+274	Điều tiết	Làm mới	(1,5x1,6)m	(2,7x1,7)m	+1.30
30	K2+280	Trái	Tu sửa	(0,8x0,8)	D80	+1.40
31	K2+593	Phải	Tu sửa	(0,5x0,7)	(0,5x0,7)	+1.20
32	K2+629	Trái	Tu sửa	(0,8x0,8)	D80	+0.83
33	K2+734	Phải	Tu sửa	(0,6x0,8)	(0,6x0,8)	+1.27
34	K2+910	Phải	Tu sửa	(1,0x1,1)	(1,0x1,1)	+1.29
35	K2+978	Phải	Tu sửa	(0,6x0,5)	(0,6x0,5)	+1.17
36	K3+141	Phải	Tu sửa	(0,6x1,2)	(0,6x1,2)	+1.35
37	K3+457	Điều tiết	Làm mới	(1,5x1,6)m	2x(1,0x1,2)m	+1.24

- Cầu qua kênh tại K0+274; K0+875: Chiều rộng mặt cầu $B=7,0\text{m}$, dài $7,82\text{m}$. Mặt cầu kết cấu BTCT M300, dày $(0,20\div 0,27)\text{m}$ trên dầm chính BTCT M300, tiết diện $B\times H=(0,30\times 0,65)\text{m}$ và dầm phụ BTCT M300, tiết diện $B\times H=(0,20\times 0,65)\text{m}$. Trụ cầu BTCT M250, chiều dày từ $(0,3\div 0,6)\text{m}$, cao $2,31\text{m}$ trên bản đáy kích thước $B\times L=(1,70\times 7,0)\text{m}$, dày $0,60\text{m}$ và lớp bê tông lót M100, dày 10m . Móng cọc BTCT M250, kích thước $(0,25\times 0,25)\text{m}$. Lan can cầu bằng thép hộp mã kẽm, chiều cao $0,90\text{m}$.

- Điều tiết dọc kênh tại K2+274: Điều tiết có khẩu độ $B\times H=(1,50\times 1,60)\text{m}$. Đáy bê tông M200, dày 30cm trên lớp nilong tái sinh và móng cọc tre $\square(6\div 8)\text{cm}$, dài $2,5\text{m}$, mật độ $25\text{ cọc}/1\text{m}^2$. Tường đầu gạch XM100#, xây VXM75#, chiều dày $0,57\text{m}$, cao $1,80\text{m}$. Điều tiết bố trí cột giàn van BTCT M250, tiết diện cột $(0,20\times 0,20)\text{m}$ và dầm ngang thép hình U200x90x8. Cánh cổng thép bản và sơn chống rỉ 2 lớp, máy đóng mở dạng vít quay tay V2.

- Cổng điều tiết dọc kênh tại K3+457: Cổng chữ nhật, khẩu độ $B\times H=(1,50\times 1,60)\text{m}$. Đáy bê tông M200, dày 30cm trên lớp nilong tái sinh và móng cọc tre $\square(6\div 8)\text{cm}$, dài $2,5\text{m}$, mật độ $25\text{ cọc}/1\text{m}^2$. Tường cổng gạch XM100#, xây VXM75#, chiều dày từ $(0,33\div 0,57)\text{m}$, cao $1,60\text{m}$. Trần cổng BTCT M250, dày $0,20\text{m}$. Tường cánh thượng, hạ lưu gạch XM100#, xây VXM75#, chiều dày $0,33\text{m}$, cao từ $(0\div 1,08)\text{m}$. Thượng lưu cổng bố trí cột giàn van BTCT M250, tiết diện cột $(0,20\times 0,20)\text{m}$ và dầm ngang thép hình U200x90x8. Cánh cổng thép bản và sơn chống rỉ 2 lớp, máy đóng mở dạng vít quay tay V2.

- Cổng lấy tại K0+50: Cổng chữ nhật, đáy cổng bê tông M200, dày $0,20\text{m}$. Tường cổng gạch XM100#, xây VXM75#, chiều dày $0,33\text{m}$, cao $0,70\text{m}$. Trần BTCT M250, dày $0,15\text{m}$. Thượng lưu lắp dựng dàn van thép hình, máy đóng mở

dạng vít quay tay loại V1.

- Cổng lấy nước tưới 2 bờ kênh: Sửa chữa, nối dài tường đầu cổng. Thay mới dàn van, cánh cửa bằng thép và lắp đặt máy đóng mở dạng vít quay tay loại V1.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **14.929.158.000 đồng** (Mười bốn tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	12.387.335.000
2	Chi phí quản lý dự án	292.744.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	1.418.051.000
4	Chi phí khác	120.116.000
5	Chi phí dự phòng	710.912.000
	Tổng cộng	14.929.158.000

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2026.

13. Nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh (nguồn vốn giai đoạn 2021-2025) và các nguồn vốn khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phân chia gói thầu: theo quy định của pháp luật.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo quy định của Luật Đấu thầu hiện hành và quy định khác có liên quan.
- Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước khu vực V; Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Đuống; Chủ tịch UBND huyện Gia Bình và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *ML*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quang
Lê Xuân Lợi